

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 31 tháng 03 năm 2015



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8 - 22

12-C
TY
PH
G
3 -

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý ký gửi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch	
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên	
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên	
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên	
Ông Hoàng Tùng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 09 tháng 04 năm 2015
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 31 tháng 03 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 3 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.263.253.667.394	1.207.162.476.422
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	125.282.367.346	68.267.019.973
111	1. Tiền		125.282.367.346	68.267.019.973
112	2. Các khoản tương đương tiền			-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		4.900.000.000	4.900.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		4.900.000.000	4.900.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		368.510.067.886	314.509.823.282
131	1. Phải thu khách hàng		281.962.282.448	291.606.496.058
132	2. Trả trước cho người bán		83.869.974.902	21.853.671.093
135	3. Các khoản phải thu khác		8.719.483.932	7.105.758.211
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.045.979.120)	(6.060.407.804)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		4.305.724	4.305.724
140	IV. Hàng tồn kho	5	657.078.638.461	731.942.945.461
141	1. Hàng tồn kho		657.078.638.461	731.942.945.461
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		107.482.593.701	87.542.687.706
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		13.813.264.439	1.573.082.052
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		93.598.845.262	85.919.866.413
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		70.484.000	49.739.241
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		84.791.860.306	85.559.069.207
216	I. Phải thu dài hạn khác		1.704.580.480	1.704.580.480
216	1. Phải thu dài hạn khác		1.704.580.480	1.704.580.480
220	II. Tài sản cố định		82.573.659.042	83.374.408.181
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	25.305.216.755	26.028.463.429
222	Nguyên giá		41.003.876.635	41.003.876.635
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(15.698.659.880)	(14.975.413.206)
227	2. Tài sản cố định vô hình	7	57.268.442.287	57.345.944.752
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.241.180.611)	(1.163.678.146)
260	III. Tài sản dài hạn khác		513.620.784	480.080.546
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		513.620.784	480.080.546
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.348.045.527.700	1.292.721.545.629

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 03 năm 2015

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		818.536.648.046	957.962.429.143
310	I. Nợ ngắn hạn		789.276.218.167	928.031.999.264
311	1. Phải trả người bán		169.424.295.654	206.572.357.994
312	2. Người mua trả tiền trước		7.172.712.111	66.230.225.141
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		8.778.735.885	12.176.188.353
314	5. Phải trả người lao động		8.488.986.461	13.350.964.228
315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn		1.679.497.856	12.903.691.338
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		25.750.254.909	13.694.065.819
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8	567.981.735.291	603.104.506.391
330	II. Nợ dài hạn		29.260.429.879	29.930.429.879
337	1. Phải trả dài hạn khác		760.429.879	1.430.429.879
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	8	28.500.000.000	28.500.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		529.508.879.654	334.759.116.486
410	I. Vốn chủ sở hữu	9	529.508.879.654	334.759.116.486
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu			
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		108.024.690.000	108.024.690.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		135.485.568.016	35.549.217.650
415	3. Cổ phiếu quỹ		(19.189.963.766)	(82.850.613.400)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		273.635.822.236	145.695.922.918
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		31.152.763.168	127.939.899.318
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.348.045.527.700	1.292.721.545.629

Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc


Ngày 17 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ nay	Kỳ trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.1	939.856.565.779	1.019.138.188.981
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	10.1	6.983.052.162	13.561.026.044
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.1	932.873.513.617	1.005.577.162.937
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ		862.398.543.036	954.163.242.835
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		70.474.970.581	51.413.920.102
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	10.1	1.110.910.805	846.369.211
22	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	11	8.770.690.857 6.006.581.548	6.399.669.815 6.412.908.545
24	8. Chi phí bán hàng	12	18.084.012.151	8.616.449.198
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	12	8.741.809.261	7.681.695.116
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.989.369.117	29.562.475.184
31	11. Thu nhập khác	13	4.265.140.639	8.220.396.959
32	12. Chi phí khác	13	315.069.797	266.449.056
40	13. Lợi nhuận khác	13	3.950.070.842	7.953.947.903
50	14. Tổng lợi nhuận trước thuế		39.939.439.959	37.516.423.087
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		8.786.676.791	8.253.613.079
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		31.152.763.168	29.262.810.008
70	17. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	9.4	3.540	3.344


Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu


Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc



Ngày 14 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho năm kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		895.569.726.088	1.127.763.452.101
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.054.519.020.399)	(971.153.278.156)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(14.128.176.948)	(5.545.431.088)
04	Tiền lãi vay đã trả		(7.237.696.433)	(6.908.232.492)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.661.380.107)	(12.341.138.260)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		227.100.840.110	155.354.292.763
07	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(105.700.386.966)	(105.756.226.846)
20	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(71.576.094.655)	181.413.438.022
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.213.128	839.548.712
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		17.213.128	839.548.712
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		163.697.000.000	-
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(10.500.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		734.473.741.295	679.090.490.821
34	Tiền trả nợ gốc vay		(769.596.512.395)	(838.579.027.972)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		128.574.228.900	(159.488.537.151)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho năm kế toán 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
50	(Giảm) tăng tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ		57.015.347.373	22.764.449.583
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		68.267.019.973	151.491.929.805
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	125.282.367.346	174.256.379.388



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu



Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2015

28/1/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày và cho năm kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyên giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 301 (ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 276).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).
- Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VNĐ.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ khỏi bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ kế toán.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty trước ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.13 **Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 **Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nguyên nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.15 **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.16 **Thuế**

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ khi thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ khi tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với:

- Cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được

phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản nợ vay.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại theo Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.18 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Tổng Giám đốc đã định rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất. Hơn nữa, Ban Tổng Giám đốc cũng xác định báo cáo bộ phận của Công ty theo khu vực địa lý dựa theo địa điểm của tài sản là ở Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	219.759.736	211.058.530
Tiền gửi ngân hàng	125.062.607.610	68.055.961.443
TỔNG CỘNG	125.282.367.346	68.267.019.973

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		VNĐ
	Gía đánh giá lại	Gía gốc	Gía gốc	Dự phòng	
Hàng hóa	635.774.542.147	635.774.542.147	605.472.785.089	-	
Hàng gửi đi bán	9.071.938.853	9.071.938.853	12.475.474.899	-	
Hàng mua đang đi đường	10.972.104.742	10.972.104.742	109.930.857.727	-	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.260.052.719	1.260.052.719	4.063.827.746	-	
TỔNG CỘNG	657.078.638.461	657.078.638.461	731.942.945.461	-	



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	VNĐ Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	21.183.180.735	1.092.473.365	15.994.938.106	2.733.284.429	41.003.876.635
Số cuối kỳ	<u>21.183.180.735</u>	<u>1.092.473.365</u>	<u>15.994.938.106</u>	<u>2.733.284.429</u>	<u>41.003.876.635</u>
Trong đó:					
Cầm cố, thế chấp đi vay (Thuyết minh số 13)	21.183.180.735	-	-	-	21.183.180.735
Đã khấu hao hết	-	261.401.632	4.903.448.161	2.046.186.967	7.211.036.760
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	4.534.451.228	468.626.498	7.328.209.038	2.644.126.442	14.975.413.206
Khấu hao trong kỳ	<u>213.401.266</u>	<u>43.581.881</u>	<u>446.374.627</u>	<u>19.888.900</u>	<u>723.246.674</u>
Số cuối kỳ	<u>4.747.852.494</u>	<u>512.208.379</u>	<u>7.774.583.665</u>	<u>2.664.015.342</u>	<u>15.698.659.880</u>
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	<u>16.648.729.507</u>	<u>623.846.867</u>	<u>8.666.729.068</u>	<u>89.157.987</u>	<u>26.028.463.429</u>
Số cuối kỳ	<u>16.435.328.241</u>	<u>580.264.986</u>	<u>8.220.354.441</u>	<u>69.269.087</u>	<u>25.305.216.755</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898
Số cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>1.959.622.898</u>	<u>58.509.622.898</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	-	1.163.678.146	1.163.678.146
Hao mòn trong kỳ	-	77.502.465	77.502.465
Số cuối kỳ	-	<u>1.241.180.611</u>	<u>1.241.180.611</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>56.550.000.000</u>	<u>795.944.752</u>	<u>57.345.944.752</u>
Số cuối kỳ	<u>56.550.000.000</u>	<u>718.442.287</u>	<u>57.268.442.287</u>

8. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	VNĐ			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	342.717.395.779	342.717.395.779	378.851.308.139	378.851.308.139
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	-	-	98.596.397.969	98.596.397.969
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam	121.758.000.000	121.758.000.000	48.000.000.000	48.000.000.000
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh	58.266.861.174	58.266.861.174	44.256.800.283	44.256.800.283
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	-	-	28.600.000.000	28.600.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM	3.600.000.000	3.600.000.000	4.800.000.000	4.800.000.000
CỘNG	<u>567.981.735.291</u>	<u>567.981.735.291</u>	<u>603.104.506.391</u>	<u>603.104.506.391</u>
Vay dài hạn				
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000	28.500.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

CỘNG	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>	<u>28.500.000.000</u>
Phát sinh trong kỳ của các khoản vay				
		<i>Phát sinh trong kỳ</i>		
		<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	
Vay ngắn hạn				
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội		372.263.401.783	408.397.314.143	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam		-	98.596.397.969	
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam		244.304.000.000	170.546.000.000	
Ngân hàng Natixis – Chi nhánh Hồ Chí Minh		59.639.478.338	62.256.800.283	
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam		58.266.861.174	28.600.000.000	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam -Chi nhánh 1 TP.HCM		-	1.200.000.000	
CỘNG		<u>734.473.741.295</u>	<u>768.396.512.395</u>	

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ Việt Nam, Ngân hàng Natixis và Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam có hạn mức lần lượt là 500.000.000.000 đồng, 120.000.000.000 đồng, 7.000.000 Đô la Mỹ, 3.000.000 Đô la Mỹ và 5.900.000 Đô la Mỹ, để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

9. VỐN CHỦ SỞ HỮU

9.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	108.024.690.000	37.179.604.250	(85.000.000.000)	400.000.000	189.445.922.918	250.050.217.168
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	(1.630.386.600)	2.149.386.600	-	-	519.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	127.939.899.318	127.939.899.318
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(43.750.000.000)	(43.750.000.000)
Số cuối năm	<u>108.024.690.000</u>	<u>35.549.217.650</u>	<u>(82.850.613.400)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>273.635.822.236</u>	<u>334.759.116.486</u>
Kỳ này						
Số đầu kỳ	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ (*)	-	99.936.350.366	63.660.649.634	-	-	163.597.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	31.152.763.168	31.152.763.168
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	<u>108.024.690.000</u>	<u>135.485.568.016</u>	<u>(19.189.963.766)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>304.788.585.404</u>	<u>529.508.879.654</u>

(*) Trong kỳ, Công ty đã tái phát hành 53.950 cổ phiếu quỹ cho Cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

9.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VNĐ	%	VNĐ	%
Công ty TNHH Created Future Erikoissijoitusrahasto Elite (Mutual Fund Elite (non-UCITS))	40.000.000.000	38,69	50.000.000.000	56,81
Bà Đặng Kiện Phương	9.700.000.000	9,38	-	-
Ông Đoàn Hồng Việt	5.948.500.000	5,75	5.896.000.000	6,70
Ông Đoàn Anh Quân	4.682.500.000	4,53	4.631.000.000	5,26
Bà Tô Hồng Trang	4.920.000.000	4,76	4.920.000.000	5,59
Cổ đông khác	3.701.500.000	3,58	3.659.000.000	4,16
Cổ phiếu quỹ	34.438.500.000	33,31	18.913.000.000	21,48
	4.633.690.000		20.005.690.000	
TỔNG CỘNG	108.024.690.000	100	108.024.690.000	100

9.3 Cổ phiếu

	Số lượng cổ phiếu	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	10.802.469	10.802.469
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	10.802.469	10.802.469
Cổ phiếu phổ thông	10.802.469	10.802.469
Cổ phiếu quỹ	(463.369)	(2.000.569)
Cổ phiếu phổ thông	(463.369)	(2.000.569)
Cổ phiếu đang lưu hành	8.799.374	8.801.900
Cổ phiếu phổ thông	8.799.374	8.801.900

9.4 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu.

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VNĐ)	31.152.763.168	29.262.810.008
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	8.799.374	8.750.000
Lãi cơ bản và lãi suy giảm (VNĐ/cổ phiếu)	3.540	3.344

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong kỳ và đến ngày lập báo cáo tài chính này.



Công ty Cổ phần Thế Giới Số

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

10. DOANH THU

10.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu:	939.856.565.779	1.019.138.188.981
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	934.731.822.834	1.015.489.795.731
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	5.124.742.945	3.648.393.250
Trừ:		
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	6.983.052.162	13.561.026.044
DOANH THU THUẦN	932.873.513.617	1.005.577.162.937

10.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	178.857.871	536.170.865
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	887.332.753	298.072.420
Chiết khấu thanh toán được hưởng	44.720.181	12.125.926
TỔNG CỘNG	1.110.910.805	846.369.211

11. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay phải trả	6.006.581.548	6.412.908.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	343.014.968	(13.238.730)
Chiết khấu thanh toán	2.421.094.341	-
TỔNG CỘNG	8.770.690.857	6.399.669.815

12. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VNĐ	
	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập khác	4.265.140.639	8.220.396.959
Bảo hiểm bồi thường	-	6.407.118.290
Thu nhập từ khuyến khích	3.820.531.173	1.792.122.867
Khác	444.609.466	21.155.802
Chi phí khác	315.069.797	266.449.056
Chi phí khấu hao không được khấu trừ	314.081.712	266.086.427
Khác	988.085	362.629
THU NHẬP THUẦN	3.950.070.842	7.953.947.903

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

13. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	7.733.005.012	5.995.469.768
Chi phí quảng cáo, khuyến mại	5.700.873.434	450.892.663
Khác	4.650.133.705	2.170.086.767
Cộng	18.084.012.151	8.616.449.198
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	4.694.052.863	4.144.184.053
Chi phí thuê và sửa chữa văn phòng	1.513.502.706	1.012.616.531
Khác	2.534.253.692	2.524.894.532
Cộng	8.741.809.261	7.681.695.116

14. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
		<i>VNĐ</i>
Giá mua hàng hóa	863.478.154.885	954.613.710.765
Chi phí nhân công	12.427.057.875	10.139.653.821
Chi phí khấu hao tài sản cố định	490.054.355	604.446.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.794.300.712	4.047.717.418
Chi phí bằng tiền khác	7.034.796.621	1.055.858.387
TỔNG CỘNG	889.224.364.448	970.461.387.149

15. SỐ LIỆU TƯƠNG ỨNG



Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại, bổ sung cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính của kỳ nay theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

	<i>Đã được báo cáo trước đây</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Số liệu được phân loại lại</i>
			<i>VNĐ</i>
Bảng cân đối kế toán			
Các khoản phải thu khác	594.055.451	6.511.702.760	7.105.758.211
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	4.305.724	4.305.724
Tài sản ngắn hạn khác	6.516.008.484	(6.516.008.484)	-
Phải thu dài hạn khác	-	1.704580.480	1.704580.480
Tài sản dài hạn khác	1.704580.480	(1.704580.480)	-
Quỹ đầu tư phát triển	-	400.000.000	400.000.000
Quỹ dự phòng tài chính	400.000.000	(400.000.000)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2015

16. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.



Vũ Thị Mai Hân
Người lập biểu

Võ Xuân Huy
Kế toán trưởng


Đoàn Hồng Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 17 tháng 4 năm 2015

